

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/12/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD1	7:25	6+16	0+0		1+21	0+0	
2		P8+TTC2	7:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
3		P4+TGTH4	7:25	18+2	0+0		19+3	0+0	
4		CLO	7:25	22	0		22	0	
5		TD2	7:25	19	0		19	0	
6		P6+TD1+P9	9:25	18+3+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	
7		TGTH5+HSD+AMD	9:25	2+3+16	0+0+0		2+0+20	0+0+0	CHUYEN 1 H5-HSD
8		RP3	9:25	22	0		22	0	
9		AMD+HST+P5	9:25	7+1+14	0+0+0		1+6+15	0+0+0	
10		P2	11:25	22	0		22	0	
11		VSP01+CLO	11:25	19+3	0+0		13+9	0+0	
12		AMD+TTC1+P6	11:25	7+6+8	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
13		TD2	11:25	17	0		19	0	
14		VSP01+RP3	13:25	21+1	0+0		14+8	0+0	
15		CAC3 f P8	13:25	21	0		22	0	Suất CAC3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	TO: CLO - TD1	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - thông	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	CLO					80	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN QUANG HIỀN	CLO	32-34	3	20		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	31	1	6	20	75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	28	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
5	PHÙNG BA TUẤT	CLO	27	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
6	LƯƠNG TÂN HAI*MC-PVD	CLO	29-30	2	12		67	KHOAN	Vietnamese
7	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	54	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN ĐÔNG	TD1	48-50	3	14		85	YTE	Vietnamese
9	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	51	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN QUY	TD1	91	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHONG	TD1	90	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	56	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	60	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM QUANG ANH	TD1				110	80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	62	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	52	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
17	HỒ VĂN HẬU	TD1	55	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
18	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	57	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN TRƯỞNG-PVDT	TD1	61	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ VĂN PHÚC	TD1	59	1	2		53	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VIỆT CHUNG	TD1	53	1	7		55	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NGHỊ	TD1	58	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	8	44	428	20	1		
2	TD1	16	17	75	1.056	110	21		
TOTAL		22	25	119	1.484	130	22		
WEIGHT KG				119	1.484	130			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:31
FLIGHT: 2	TO: P8 - TTC2	CREW: Hạnh - MMinh - DTùng	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN QUY	P8	59	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM ĐẠI PHONG	P8	51	1	5		67	YTE	Vietnamese
3	LÊ XUAN TRUNG	P8	94	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
4	OVCHARENKO A N	P8	97	1	3		95	KH-THAC	Russian
5	TIKHONOV	P8	95	1	11		96	KH-THAC	Russian
6	HUYNH CHANH PHAT	P8	91	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG VAN QUYET	P8	52-53	2	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG HIEN	P8					74	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN TÂN	P8	90	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	87	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU DUNG	P8	93	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TIEN	P8	88-89	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	92	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HUNG	P8	98	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN LỢI	P8	96	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN ANH ĐỨC	P8	800	1	6	90	65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO XUAN HA	TTC2	60	1	9		56	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG QUỐC BAO	TTC2					64	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VĂN THỰC	TTC2	56	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TUÂN MINH	TTC2	55	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	57	1	3	30	73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	18	83	1.185	90	17		
2	TTC2	5	4	25	322	30	5		
TOTAL		22	22	108	1.507	120	22		
WEIGHT KG				108	1.507	120			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: P4 - TGTH4	CREW: HUNG - Linh - QTruong	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	800	1	3	80	70	KHI	Vietnamese
2	HOANG TRỌNG TÂN	P4	57-58	2	12		73	KHI	Vietnamese
3	TRINH XUAN HUYEN	P4	55	1	4		74	KHI	Vietnamese
4	ĐO ĐỨC LONG	P4	76	1	3		55	KHI	Vietnamese
5	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	53	1	6		71	KHI	Vietnamese
6	DOAN THANH CONG	P4	67	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN HUNG	P4	66	1	4		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG KHÁNH	P4	59	1	5		65	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
9	DƯƠNG PHÚC HẬU	P4	64	1	6		64	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
10	TRƯƠNG MINH THẾ	P4	63	1	3		55	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỞNG THANH	P4	69	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HOÀNG SANG	P4	70	1	12		86	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	62	1	5		83	KHI	Vietnamese
14	TÀ VĂN QUỲNH	P4					73	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH	P4	65	1	8		58	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THAI	P4	68	1	4		63	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	54	1	5		69	KHI	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	60-61	2	10		65	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH4	75	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	97-98	2	16		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	19	103	1.235	80	19		
2	TGTH4	2	3	23	138	0	3		
TOTAL		20	22	126	1.373	80	22		
WEIGHT KG				126	1.373	80			

GRAND TOTAL: 1.579 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	TO: CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ATUÁN - Vậ - Năm	ETA: 09:20
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	45	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG BANG	CLO	44	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ MẠNH HUNG	CLO	35	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN ĐANG	CLO	40-41	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
5	BUI XUAN DUY	CLO	46	1	6	90	66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG TIEN	CLO	32	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
7	NG VẠN LỰC*CAM-PVDI	CLO	34	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	39	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TAT TAM	CLO	27	1	5		53	GETRACO	Vietnamese
10	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	CLO	28	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN TIEN	CLO	26	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH BA NINH	CLO	25	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠ HOAI TRANG	CLO	22	1	5		74	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUÂN	CLO	33	1	3		75	PSV	Vietnamese
15	LÊ HỮU LONG	CLO	36	1	3		59	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN THAM	CLO	31	1	5		57	PSV	Vietnamese
17	LƯU VĂN TRỌNG	CLO	38	1	5		59	PSV	Vietnamese
18	HOANG HỮU THỌ	CLO	43	1	3		75	PSV	Vietnamese
19	LÊ MINH MINH	CLO	42	1	6		70	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN HUNG	CLO	37	1	5		61	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG SƠN	CLO	23-24	2	16		77	BAKER HUGO	Vietnamese
22	PHẠM PHÚ QUỐC	CLO	29-30	2	18		82	BAKER HUGO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	25	154	1.477	90	22		
	TOTAL	22	25	154	1.477	90	22		
	WEIGHT KG			154	1.477	90			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

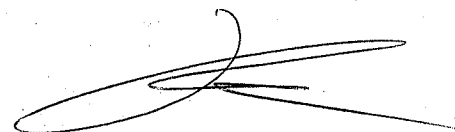
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: NKhánh - Thanh	ETA: 10:40
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN CHÍNH	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
2	MAKAROV	TD2	88	1	12		88	ANTOAN	Rus
3	HOANG MINH TÂN	TD2	78-79	2	17		83	YTE	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	76	1	5	15	75	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN BÁC	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN BÁC	TD2	89	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC ĐỎ	TD2	84	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	83	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT HÀ-PVD	TD2	77	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG ĐÌNH THẮNG	TD2	74	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH QUANG HUY	TD2					74	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	91	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	85-87	3	17		70	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	75	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	82	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	90	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	73	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	80-81	2	5		57	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	19	107	1.307	15	19		
TOTAL		18	19	107	1.307	15	19		
WEIGHT KG				107	1.307	15			

GRAND TOAL: 1.429 KGS

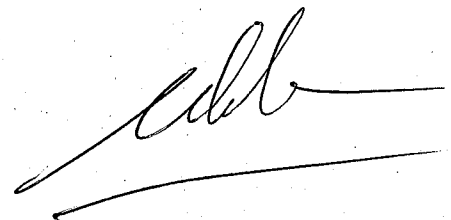
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	TO: P6 - TD1 - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - KHẢI - thông	ETA: 11:30
TRANG-2			

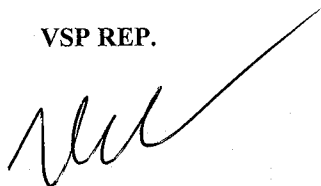
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	31	1	5	20	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGÔ HOÀN	P6	26-27	2	15		70	YTE	Vietnamese
3	GOLOVIN G.	P6	36-37	2	15		110	KH-THAC	Russian
4	TRẦN ĐỨC HẠNH	P6	20	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ĐÌNH SỸ	P6	29-30	2	16		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN CU	P6	17-18	2	5		52	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HOANG TUNG	P6	33-35	3	18		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VĂN THIN	P6	16	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VĂN PHỤ	P6	19	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6					59	KH-THAC	Vietnamese
11	VU THANH ĐO	P6	21	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO VAN SANG	P6	22	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BAC	P6	25	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC AN	P6	23	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRỌNG	P6	28	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH HOAI NAM	P6	38	1	10	29	85	KH-THAC	Vietnamese
17	VU ĐỨC DUNG	P6	32	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG ĐAN	P6	24	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀU ĐỨC HÙNG	TD1	98-99	2	14		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH CÔNG	TD1	97	1	4		68	PSV	Vietnamese
21	TRIEU MINH HONG	TD1					70	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN CONG HIEU	P9	39	1	10	40	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

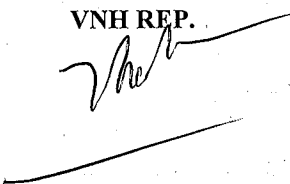
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	18	23	138	1.289	49	15		
2	TD1	3	3	18	203	0	4		
3	P9	1	1	10	68	40	3		
TOTAL		22	27	166	1.560	89	22		
WEIGHT KG				166	1.560	89			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

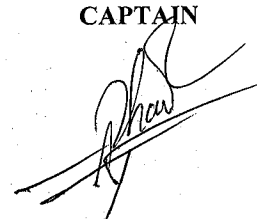
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	TO: TGTH5 - HSD - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN MINH KIEN	TGTH5	02	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
2	BUI VAN HUONG	TGTH5	03	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN QUANG HUY	HSD	17-18	2	12		65	TLJOC	Vietnamese
4	TO TINH	HSD	15-16	2	10		75	TLJOC	Vietnamese
5	DO TRONG NGHIA	HSD	19,21	2	10		70	TLJOC	Vietnamese
6	TRINH BICH NGOC	AMD	21	1	10		70	TLJOC	Vietnamese
7	PHAN VAN HUAN	AMD	28-29	2	12		82	CTY MEOD	Vietnamese
8	BUI XUAN TAO	AMD	23-24	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH VAN PHA	AMD	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TAN	AMD	25	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAN	AMD	19	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DINH HIEU	AMD	14	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HONG LINH	AMD	18	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SON	AMD	22	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
15	VU NGOC DUONG	AMD	58	1	8	16	60	KH-THAC	Vietnamese
16	NG. TRAN QUOC KHANG	AMD	30-31	2	17	17	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN KHAC SON	AMD	33	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HIEN	AMD	35-36	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN VAN QUYET	AMD	26-27	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC THU	AMD	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TRUNG	AMD	16-17	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

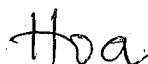
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	2	2	10	142	0	2 + 1		CHUYEN 1 PAX TGTH5 SANG HSD
2	HSD	3	6	32	210	0	0		
3	AMD	16	22	144	1.143	53	20		
TOTAL		21	30	186	1.495	53	22		
WEIGHT KG				186	1.495	53			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 8	TO: RP3	CREW: HUNG - Linh - QTruong	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	RP3	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	05	1	7		80	KHI	Vietnamese
3	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	04	1	5		68	KHI	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	15	1	5		71	KHI	Vietnamese
5	BUI VĂN PHŨ	RP3	14	1	5		68	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	13	1	4		74	KHI	Vietnamese
7	LÊ HOÀNG ANH	RP3	20	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TÁT THANH	RP3	16	1	5		69	KHI	Vietnamese
9	PANKRATOV P.E	RP3	27	1	12		86	KHI	Russian
10	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	08	1	6		81	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ XUÂN LINH	RP3	26	1	6		88	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ MINH SỸ	RP3	23-24	2	11		66	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH KHA	RP3	17-18	2	17		65	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC DŨ	RP3	22	1	7		69	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHOA	RP3	25	1	10		93	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	28	1	6		70	KHI	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	11-12	2	13		73	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	07	1	3		68	KHI	Vietnamese
19	NGO SỸ NÔNG	RP3	19	1	10		65	KHI	Vietnamese
20	TẠ PHI KHANH	RP3	21	1	3		70	KHI	Vietnamese
21	VŨ ANH MINH	RP3	09-10	2	17		76	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	25	162	1.540	0	22		
TOTAL		21	25	162	1.540	0	22		
WEIGHT KG				162	1.540	0			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 9	TO: AMD - HST - P5	CREW: ATUẤN - Vận - Năm	ETA: 11:20
VANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG LÊ ANH DỪNG	AMD	02	1	13		87	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	07-08	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LUÔNG	AMD	04	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ VĂN BÁC	AMD	03	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ TRI HÙNG	AMD	98	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN THANH MAI	AMD	05-06	2	11		59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC PHAT	AMD				22	69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TRUONG THO	HST	66-67	2	12		64	TLJOC	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P5					77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG THUY	P5					67	KHOAN	Vietnamese
11	CAO ĐÌNH THANH	P5					60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUAN HẬU	P5	87	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
13	NHÂM ĐỨC QUANG	P5	96	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC DỤC	P5	91	1	6	35	59	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU NAM-PVD	P5	89	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUYNH	P5	95	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TUYẾN	P5					63	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUAN QUANG-PVDT	P5	90	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH HUNG	P5	92	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN HOÀ	P5	93	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
21	HUYNH TRUNG NGHĨA	P5	94	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC CƯỜNG 1972	P5	88	1	6		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	8	72	479	22	1		
2	HST	1	2	12	64	0	6		
3	P5	14	10	44	959	35	15		
TOTAL		22	20	128	1.502	57	22		
WEIGHT KG				128	1.502	57			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: P2	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH VIỄN	P2	74-75	2	15		75	KHI	Vietnamese
2	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	P2	76	1	7		92	KHI	Vietnamese
3	LÊ MINH HIẾU	P2	87	1	7		70	KHI	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TUẤN	P2	79	1	6		70	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG HỒNG QUÂN	P2	83	1	6		75	KHI	Vietnamese
6	VÕ QUANG ĐẠT	P2	85	1	6		60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	P2					75	KHI	Vietnamese
8	LÊ HỒNG PHONG	P2	72	1	5		82	KHI	Vietnamese
9	HÀ THẾ BẢO	P2					75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	P2	80	1	5		56	KHI	Vietnamese
11	NGHIÊM XUÂN MINH	P2	84	1	5		61	KHI	Vietnamese
12	BUI NGỌC HUƠNG	P2	82	1	8		67	KHI	Vietnamese
13	VŨ VĂN CHIẾN	P2	86	1	7		71	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC ANH	P2	78	1	5	80	70	KHI	Vietnamese
15	ĐẠO ANH TUẤN	P2	95	1	4		75	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CHIẾN	P2	73	1	3		54	KHI	Vietnamese
17	LÊ HUY VINH	P2	77	1	5		64	KHI	Vietnamese
18	CHU MINH PHƯƠNG	P2	88	1	7		87	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THIẾT	P2	81	1	5		60	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN QUANG	P2	89	1	5		67	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN CUƠNG	P2	97	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH XUÂN HỒNG	P2	96	1	6		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	21	122	1.556	80	22		
TOTAL		22	21	122	1.556	80	22		
WEIGHT KG				122	1.556	80			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	TO: VSP01 - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - THỤ	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG THANH	VSP01	93-94	2	16	15	66	YTE	Vietnamese
2	PASKEVICH V.V.	VSP01	26	1	12		106	KH-THAC	Russian
3	TRUONG HIEN	VSP01	31	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN BAC	VSP01	22	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THANH PHU	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY PHUC	VSP01	96	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
7	GURIN V.V.	VSP01	24	1	5		104	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN DUY BINH	VSP01	27	1	4		96	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THONG	VSP01	29	1	8	22	92	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	98	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN MIT	VSP01	95	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC BE	VSP01	92	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH VAN THON	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO XUAN DUC	VSP01	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	23	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN XUAN THUY	VSP01					81	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN BA NGOC	VSP01	25	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN MINH TUAN	CLO	48	1	5		74	PSV	Vietnamese
21	PHAM MINH DUC	CLO	47	1	3		86	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN CUONG	CLO	49	1	6		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

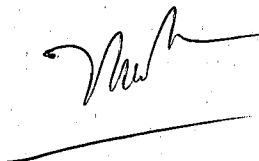
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	19	15	92	1.486	37	13		
2	CLO	3	3	14	217	0	9		
TOTAL		22	18	106	1.703	37	22		
WEIGHT KG				106	1.703	37			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	TO: AMD - TTC1 - P6	CREW: Phong - VLinH - NNam	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH THAI	AMD	59-60	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
2	PHUNG THE TAI	AMD	13	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
3	LE DINH TAM	AMD	10-12	3	17		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN TUAN	AMD	61	1	5		84	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TOAN	TTC1	01-02	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM TRUNG THUY	TTC1	53	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU HAU	TTC1	08	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG LONG HAI	TTC1	07	1	7	10	90	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ CÔNG TANH	TTC1	04	1	4		67	GETRACO	Vietnamese
10	PHAM TRAN THANH PHUC	TTC1	05	1	6	35	80	GETRACO	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DONG	TTC1	06	1	11	50	74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC KHOI	TTC1	09	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN LE CHIEN	TTC1	11-12	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THAI SON	TTC1	10	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM VAN KHUONG	P6	45	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN HUY THONG	P6	46	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	48	1	5		79	GETRACO	Vietnamese
18	HA KIM LINH	P6	49	1	5		48	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC SON	P6	47	1	3		80	GETRACO	Vietnamese
20	LE VAN HAN	P6	43	1	10		59	GETRACO	Vietnamese
21	LE NGUYEN DUY THONG	P6	50	1	6		50	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYEN HUY HUNG	P6	44	1	14		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	7	47	290	0	0		
2	TTC1	10	12	82	757	95	6		
3	P6	8	8	54	527	0	16		
TOTAL		22	27	183	1.574	95	22		
WEIGHT KG				183	1.574	95			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:55
FLIGHT: 13	TO: TD2	CREW: HLONG - CHIẾN	ETA: 15:00
TRANG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ VĂN HÙNG	TD2				22	70	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TU	TD2	96	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
3	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	97	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC VIỆT-PVD	TD2	500	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ THANH QUANG-PVDT	TD2	43-44	2	10		76	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HAI SƠN	TD2	99	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN TRỌNG	TD2	98	1	8		60	MI-SWASO	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TÂN	TD2	50-51	2	17		65	T-TIN	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HIỂN	TD2	53	1	5		60	T-TIN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH NHẬT	TD2	52	1	6	33	73	T-TIN	Vietnamese
11	VÕ THANH NHẬT	TD2	49	1	6		80	GETRACO	Vietnamese
12	BUI SĨ CUÔNG	TD2	54	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
13	ĐINH ANH DŨNG	TD2	48	1	4		76	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHÍNH	TD2	46-47	2	7		53	GETRACO	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THÁI	TD2	94	1	10		60	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN BA THUY	TD2	55	1	4		61	GETRACO	Vietnamese
17	VUÔNG KHUÔNG BÌNH	TD2	45	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
18	LY ANH TUAN	TD2	95	1	9		88	KHOAN	Vietnamese
19	DANG QUOC DAT	TD2	93	1	12		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	21	135	1.301	55	19		
	TOTAL	19	21	135	1.301	55	19		
	WEIGHT KG			135	1.301	55			

GRAND TOAL: 1.491 KGS

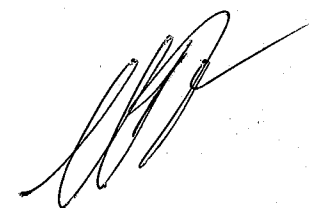
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	TO: VSP01 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:35
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - THỤ	ETA: 15:15
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	37	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
2	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	34	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ANH TUẤN	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	33	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	35	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	32	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THƯƠNG	VSP01					65	PSV	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC CUÔNG 1967	VSP01	36	1	7		58	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HOANG	VSP01	38	1	7		56	TRƯỜNG V	Vietnamese
10	TRUONG SY MINH NHAT	VSP01	49-50	2	18		65	TRƯỜNG V	Vietnamese
11	THACH HOANG HAU	VSP01	43	1	8	55	70	TRƯỜNG V	Vietnamese
12	DO VAN THANH	VSP01	39	1	4		55	TRƯỜNG V	Vietnamese
13	LE DANG HONG PHUONG	VSP01	47	1	8		67	TRƯỜNG V	Vietnamese
14	TRẦN THANH VIỆT	VSP01	46	1	11		52	TRƯỜNG V	Vietnamese
15	TRẦN TRI	VSP01	44	1	7		55	TRƯỜNG V	Vietnamese
16	MAI VAN TY	VSP01	42	1	10		68	TRƯỜNG V	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TUNG	VSP01	48	1	10		62	TRƯỜNG V	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TUNG	VSP01	41	1	6		64	TRƯỜNG V	Vietnamese
19	NGUYỄN HUU VU	VSP01	45	1	11		62	TRƯỜNG V	Vietnamese
20	CAO THANH PHƯƠNG	VSP01	40	1	7		54	TRƯỜNG V	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC BIÊN	RP3	29	1	9		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	20	19	142	1.272	55	14		
2	RP3	1	1	9	80	0	8		
TOTAL		21	20	151	1.352	55	22		
WEIGHT KG				151	1.352	55			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:40
FLIGHT: 15	TO: CTK3 - P8	CREW: Phong - VLin - NNam	ETA: 15:20
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÒA	CTK3	48-49	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
2	DƯƠNG VĂN TUÂN	CTK3	59-60	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM THANH NAM	CTK3	56-57	2	18	10	70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC VIỆT	CTK3	41-42	2	15	23	96	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH NGỌC	CTK3	50-51	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ KHÁC PHƯƠNG	CTK3	46-47	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN CHIẾN	CTK3	45	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	CTK3	61-62	2	12		73	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VIỆT HÙNG	CTK3	63-64	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀ MẠNH CUÔNG	CTK3	39-40	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG ĐÌNH HÒA	CTK3	52	1	7	18	60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÀ	CTK3	54-55	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	65	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH HOANG	P8	64	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH VINH	P8	66	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO ĐỨC THAI	P8	67	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	68-69	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TRUNG HẬU	P8	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG SỸ NGỌC	P8	61	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	P8	60	1	5		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

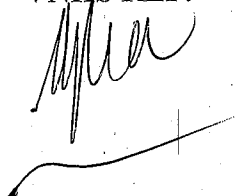
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	22	178	817	51	0		
2	P8	9	10	61	607	0	22		
TOTAL		21	32	239	1.424	51	22		
WEIGHT KG				239	1.424	51			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

